

Số 2858/BKHCN-KHTC
V/v báo cáo đánh giá tình hình tài chính
06 tháng đầu năm 2017

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.


Căn cứ vào các báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ (gửi kèm theo), Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Bộ Tài chính: Báo cáo giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động 06 tháng đầu năm 2017 của các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận: ✓
- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.



Phạm Công Lạc



**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA
DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THUỘC BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Tên Chủ sở hữu: Bộ Khoa học và Công nghệ

Kỳ báo cáo: Đến 30/6/2017

I. Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Phát triển công nghệ - Nead

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

a. Vốn chủ sở hữu: 7.340.588.159 đồng tăng 12,34% so với cùng kỳ năm 2016 do hoạt động kinh doanh đã đạt lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 104% so với cùng kỳ năm 2016

b. Việc bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật;

- Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi, sau đây là một số chỉ tiêu tính đến 30/06/2017.

c. Tổng tài sản: 480.378.266.687 đồng tăng 16,75% so với cùng kỳ năm 2016

d. Lợi nhuận sau thuế: 1.355.000.000 đồng tăng 104% so với cùng kỳ năm 2016

e. Hiệu quả sử dụng vốn:

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	=	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu (Bình quân 6 tháng đầu năm 2017)}}$
	=	$\frac{1.355.000.000}{6.937.088.159}$
	=	19,5%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	=	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản (Bình quân 6 tháng đầu năm 2017)}}$
	=	$\frac{1.355.000.000}{488.467.722.023}$
	=	0,28%

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

a. Tình hình đầu tư tài sản:

Công ty Nead thuần túy kinh doanh tư vấn chuyên giao công nghệ và đầu tư trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân, công nghệ bức xạ; thi công lắp đặt các công trình khoa học, kỹ thuật dân dụng, điều hòa không khí, kỹ thuật lạnh, bức xạ; kinh doanh nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực: năng lượng hạt nhân, an toàn bức xạ, công nghệ sinh học; y tế, thiết bị; thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm định bằng phương pháp không phá hủy (NDT); đào tạo hướng dẫn nghề nghiệp, nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ, nhân viên kỹ thuật trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm định bằng phương pháp không phá hủy (NDT) và không có các dự án đầu tư lớn, vì vậy đầu tư tài sản vào các dự án là không có.

b. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Trong 6 tháng đầu năm năm 2017 Công ty Nead đã huy động vay vốn tại một số Ngân hàng thương mại để thực hiện dự án Nhà máy điện sinh khối thuộc Công ty CP đường Quảng Ngãi, toàn bộ số vốn đã thực hiện có hiệu quả, đến nay Công ty Nead đã trả hết nợ hết các khoản vay trên cho các Ngân hàng.

c. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải trả:

- Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ, tình hình trích khấu hao tài sản đúng quy định của pháp luật.

- Tình hình công nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng nợ phải trả đến 30/6/2017: **473.752.375.205** đồng. Công ty không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn	=	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$
-----------------------------------	---	--

$$= \frac{476.681.493.200}{473.752.375.205}$$

$$= 1,01$$

Như vậy, Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và ngắn hạn.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp: (Biểu số 02.C1 và 02.Đ1 đính kèm)

a. Xu hướng biến động về sản lượng sản xuất (hoặc lượng mua vào) trong kỳ, sản lượng tiêu thụ (hoặc lượng bán ra) trong kỳ, lượng tồn kho cuối kỳ của một số sản phẩm chủ yếu không biến động nhiều.

b. Xu hướng biến động về các chỉ tiêu tài chính: 6 tháng đầu năm 2017, doanh thu đạt 292.374 triệu đồng đạt 84% so với kế hoạch năm (do ngành nghề kinh doanh nhập khẩu máy móc thiết bị nên các khoản thu của Công ty tập trung vào thời điểm cuối năm), tương đương 134% so với cùng kỳ năm 2016 và 500% so với cùng kỳ năm 2015. Kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty đảm bảo hiệu quả thông qua chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 1.694 triệu đồng đạt 48% kế hoạch năm 2017.

4. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các luật thuế, chính sách thuế của Nhà nước; luật Bảo hiểm xã hội và chính sách tiền lương đối với người lao động; đảm bảo 100% người lao động được tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ. Trong 6 tháng đầu năm 2017, công ty không xảy ra trường hợp nào bị xử phạt và kỷ luật vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, an toàn vệ sinh môi trường.

II. Công ty TNHH MTV Phát triển khu công nghệ cao Hòa Lạc

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

a. *Vốn chủ sở hữu:* Vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu năm 2017 là 328.646.331.701 đồng tăng 9% so với cùng kỳ năm 2016 do Chủ sở hữu đầu tư thêm 25.000.000.000 đồng.

b. Việc bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

- Xử lý kịp thời giá trị tài sản tồn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

c. **Tổng tài sản: 421.142.684.784** đồng tăng 16% so với cùng kỳ năm 2016.

d. **Lợi nhuận sau thuế: 93.852.770** đồng, tương đương 37% so với Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016.

e. **Hiệu quả sử dụng vốn:**

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	=	<hr/> Lợi nhuận sau thuế
		Vốn chủ sở hữu (Bình quân 6 tháng đầu năm 2017)
		93.852.770
	=	<hr/> 328.618.754.953
	=	0,029%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	=	<hr/> Lợi nhuận sau thuế
		Tổng tài sản (Bình quân 6 tháng đầu năm 2017)
		93.852.770
	=	<hr/> 398.506.831.185
	=	0,024%

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:
(Biểu số 02.A2 và 02.B2 đính kèm)

a. Tình hình đầu tư dự án:

Dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp:

- *Dự án Trung tâm quản lý và khai thác hạ tầng Khu CNC Hòa Lạc*

Tổng mức đầu tư của dự án là 49.719 triệu đồng, dự án được đầu tư hoàn toàn bằng nguồn vốn tự có. Dự án đã hoàn thành thi công và đưa vào sử dụng từ năm 2016, hiện đang thực hiện các thủ tục kiểm toán vốn đầu tư. Tổng số tiền giải ngân thực hiện đến hết ngày 30/6/2017 là 48.565 triệu đồng.

- Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và giới thiệu sản phẩm nội thất HHPD

Tổng mức đầu tư của dự án là 80.197 triệu đồng, dự án được đầu tư bằng nguồn vốn tự có và huy động, trong đó số vốn huy động là 25.000 triệu đồng, tương đương 31,2% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn tự có là 55.197 triệu đồng, tương đương 68,8% tổng vốn đầu tư.

b. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Công ty đã huy động và giải ngân hết 25.000 triệu đồng trong 6 tháng đầu năm 2017 cho dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và giới thiệu sản phẩm nội thất HHPD.

c. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải trả:

- Thâm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ: Thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý và Kinh doanh vốn Nhà nước.

- Tình hình trích khấu hao tài sản: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Tình hình công nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng nợ phải trả đến 30/06/2017: **92.496.353.083** đồng. Công ty không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn	=	<u>Tài sản ngắn hạn</u>
		Nợ ngắn hạn
		315.649.817.610
	=	<u>53.618.180.419</u>
	=	5,89

Như vậy, Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và ngắn hạn.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp: (Biểu số 02.C2, 02.D2 và 03 đính kèm)

a. Xu hướng biến động về sản lượng sản xuất (hoặc lượng mua vào) trong kỳ, sản lượng tiêu thụ (hoặc lượng bán ra) trong kỳ, lượng tồn kho cuối kỳ của một số sản phẩm chủ yếu: Không có

b. Xu hướng biến động về các chỉ tiêu tài chính

Sáu tháng đầu năm 2017, doanh thu đạt 36.300 triệu đồng và đạt 20% so với kế hoạch năm (do đặc thù ngành nghề Xây lắp nên các khoản thu của Công

ty tập trung vào thời điểm cuối năm), tương đương 111% so với cùng kỳ năm 2016 và tương đương 155% so với cùng kỳ năm 2015. Kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty đảm bảo hiệu quả thông qua chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 117 triệu đồng. Qua rà soát kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017, Công ty đảm bảo hoàn thành kế hoạch 6 tháng cuối năm và kế hoạch cả năm theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

c. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích:

Khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện 6 tháng đầu năm 2017 là 3.469 triệu đồng, đạt 56% so với kế hoạch năm, tương đương 199% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về đầu tư, luật thuế, chính sách thuế của Nhà nước; luật Bảo hiểm xã hội và chính sách tiền lương đối với người lao động; đảm bảo 100% người lao động được tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ. Trong 6 tháng đầu năm 2017, công ty không xảy ra trường hợp nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO



Đỗ Thị Hồng Giang

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Lê Thị Hoàn



BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Kì Báo cáo: 06 tháng đầu năm 2017

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Có dấu hiệu Mất an toàn về tài chính	Ghi chú
1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ứng dụng và Phát triển công nghệ - NEAD	292.374	1.694	10.667		
2	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát triển khu công nghệ cao Hòa Lạc	36.300	117	1.427		

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

Đỗ Thị Hồng Giang

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Thị Hoàn



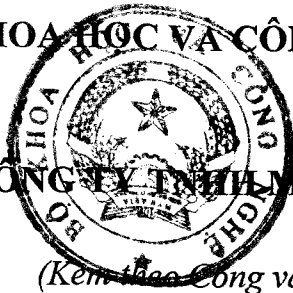
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ - NEAD

Đến ngày 30/06/2017

(Kèm theo Công văn số 2858/BKHCN-KHTC ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Thực hiện năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2017	Thực hiện 30/06/2017	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Kế hoạch năm 2017
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.436	218.670	350.000	292.374	500%	134%	84%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	773		-	15	2%		
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.663	218.670	350.000	292.359	507%	134%	84%
4. Giá vốn hàng bán	33.725	208.885	300.000	255.965	759%	123%	85%
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.938	9.785	50.000	36.394	152%	372%	73%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.981	2.073	2.500	49	2%	2%	2%
7. Chi phí tài chính	1.178	27	1.500	2.063	175%	7641%	
8. Chi phí bán hàng	18.272	9.073	30.000	19.924	109%	220%	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.806	1.127	17.500	12.762	220%	1132%	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	663	1.631	3.500	1.694	256%	104%	48%
11. Thu nhập khác	207		-		0%		
12. Chi phí khác	15		-		0%		
13. Lợi nhuận khác	192		-		0%		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	855	1.631	3.500	1.694	198%	104%	48%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	190	326,2	700	339	178%	104%	48%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	665	1.304,8	2.800	1.355	204%	104%	48%



**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NSNN
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ - NEAD**

Đến ngày 30/06/2017

(Kèm theo Công văn số 2858 /BKHCN-KHTC ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	(36.791)	29.468	10.667	(17.990)
- Thuế GTGT	(37.685)	29.028	10.265	(18.922)
- Thuế TNDN	424	339	248	515
- Thuế Xuất, nhập khẩu				
- Thuế đất				
- Các khoản thuế thu nhập cá nhân	470	101	154	417
2. Các khoản phải nộp khác				
- Phí, lệ phí				
- Các khoản phải nộp khác				
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phân lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B-TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2017

Đến ngày 30/06/2017

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm đến 30/06/2017	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	833,0	406,0	0,0	1.239,0
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	834,0	360,0	0,0	1.194,0
3. Quỹ thưởng VCQLDN	0,0	40,0	0,0	40,0
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	0,0	0,0	0,0	0,0
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	0,0	0,0	0,0	0,0



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Biểu số 02.C2

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC**

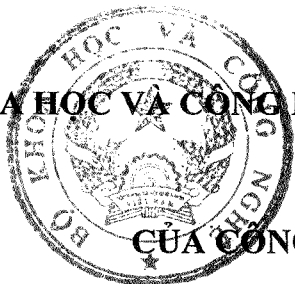
Đến ngày 30/6/2017

(Kèm theo Công văn số 2858/BKHCN-KHTC ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Thực hiện năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2017	Thực hiện kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Kế hoạch năm 2017
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.451	32.564	184.101	36.300	155%	111%	20%
2. Giá vốn hàng bán	19.719	30.070	172.907	34.390	174%	114%	20%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.732	2.494	11.194	1.910	51%	77%	17%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.323	3.837	6.639	3.441	260%	90%	52%
5. Chi phí tài chính		35		3		8%	
6. Chi phí bán hàng		-					
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.791	5.959	14.783	5.204	109%	87%	35%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	264	336	3.050	146	55%	43%	5%
9. Thu nhập khác	0	-		4			
10. Chi phí khác	10	15		32	322%	215%	
11. Lợi nhuận khác	(10)	(15)		(28)			
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	254	321	3.050	117	46%	37%	4%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	56	64	610	23	42%	37%	4%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-					
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	198	257	2.440	94	47%	37%	4%

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Biểu 03

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC**

Đến ngày 30/6/2017

(Kèm theo Công văn số 2858/BKHCN-KHTC ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đvt: Triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu	Lợi nhuận thực hiện	Nợ ngân sách	Có dấu hiệu mất an toàn về tài chính	Ghi chú
A	Tập đoàn					
B	Tổng công ty					
C	Công ty TNHH 1 TV độc lập					
1	Công ty TNHH 1 TV Phát triển Khu CNC Hòa Lạc	36.300	117	1.427		